



ĐỨC TIN VÀ NHỮNG VIỆC LÀM TRONG THẾ GIỚI TRẦN TỤC

Giám Trợ Keith B. McMullin

Đệ Nhị Cố Vấn trong Giám Trợ Đoàn Chủ Tọa

Buổi Họp Đặc Biệt CES Fireside dành cho Các Thành Niên Trẻ Tuổi
Ngày 5 tháng Mười Một năm 2006 • Trường Brigham Young University

Các em thân mến, các em thật là một quang cảnh nghiêm trang làm sao. Các em đến từ nhiều hoàn cảnh và nhiều phần đất của quốc gia. Hãy tưởng tượng buổi tối hôm nay, chúng ta đang tụ họp khắp nơi trên thế giới. Từ bây giờ cho đến lúc chương trình này được phát lại, những thành niên trẻ tuổi ở khắp nơi trong Giáo Hội sẽ tụ họp lại và tham dự một buổi họp như thế này. Thật là điều kỳ diệu.

Một sự biểu hiện vinh quang đã xảy ra tại đại hội trung ương tháng vừa rồi. Đối với hầu hết những người trên thế gian, thì điều này không được ai chú ý tới, nhưng đối với những người biết và yêu thương lẽ thật thì đó lại là một tiếng nổ vang của 10.000 tia sấm sét.

Hãy nhớ lại phiên họp bé mạc. Từ tiếng hát quen thuộc của Đại Ca Đoàn Tabernacle—

*Tạ ơn Chúa đã cho vị tiên tri đến cõi trần,
Hầu chỉ giáo chúng con đến lúc sau cùng.
Tạ ơn Chúa phúc âm ngày nay được truyền rao khắp
Sáng soi trong tâm con lẽ chân thật.*¹

Đột nhiên, nam, phụ, lão, ấu, đang tụ họp ở Trung Tâm Đại Hội đứng dậy trong sự nghiêm trang và đầy lòng biết ơn về các phước lành được nói lên trong bài thánh ca này. Chúng ta đã đứng dậy trong sự hiểu biết và biết ơn rằng phúc âm của Chúa Giê Su Ky Tô đã được phục hồi, rằng Thượng Đế Đức Chúa Cha và Vị Nam Tử yêu quý của Ngài đã phán từ các tầng trời, rằng Joseph Smith là vị tiên tri, và rằng Chủ Tịch Hinckley là vị tiên tri của Chúa trên thế gian ngày nay.

Đó là một kinh nghiệm thuộc linh đầy cảm động. Đó là lúc mà những người dân trong vương quốc của Thượng Đế, hành động dưới ảnh hưởng của Đức Thánh Linh, *đứng lên bên vực cho đức tin của họ!*

Trước đó trong ngày hôm ấy, Chủ Tịch Hinckley đã dịu dàng nói với lòng biết ơn về những năm tháng của tuổi già kèm theo tình trạng sức khỏe của ông. Luôn luôn nêu cao tấm gương trung tín, ông đã một lần nữa cam kết cuộc sống của mình cho các mục đích của Chúa. Ông nói:

“Chúa đã cho phép tôi sống; nhưng tôi không biết sẽ được bao lâu. Nhưng dù bao lâu đi nữa, thì tôi vẫn phải tiếp tục cố gắng hết khả năng của mình đối với bốn phận trước mắt. . .

“ . . . Chúng tôi sẽ phải tiếp tục tiến tới theo như ý muốn của Chúa. . . . Nhưng khi đến lúc để cho một người kế nhiệm thì sự chuyển tiếp sẽ được ổn thỏa và theo ý muốn của Chúa mà Giáo Hội này thuộc về Ngài. Và như vậy chúng ta sẽ tiến lên với đức tin—và đức tin là đề tài mà tôi muốn thảo luận buổi sáng hôm nay.”²

Sứ điệp của ông đã xảy ra đúng lúc và đầy soi dẫn. Sứ điệp ấy đến với tính cách là một điều nhắc nhở thuộc linh về cuộc sống thì thật sự như thế nào, và cách thức mà các con cái của Cha Thiên Thượng có thể khắc phục mọi trở ngại. Sứ điệp ấy đến với một thế gian chìm ngập vật chất, sự không tin và tội lỗi.

Chủ Nghĩa Thế Tục

Sự giáo dục về những vấn đề thế tục đóng góp nhiều cho sự cải thiện thế giới của chúng ta. Kiến thức thế tục của trình độ cao nhất trở hoa trong một bầu không khí đức hạnh, trách nhiệm đạo đức, tinh thần lẽ thật và đức tin.

Ngày nay nhiều điều đã được tán tụng về các xã hội vật chất. Con người và các quốc gia lấy làm tự hào về việc thuộc vào *thế tục*, chú tâm đến “những sự việc vật chất, [về] những điều không liên quan đến tôn giáo [hoặc] thuộc linh [hay] thiêng liêng.”³

Hầu hết thế gian ngày nay xem chủ nghĩa thế tục là thiết yếu cho một chính quyền có sự cân bằng, chính đáng và ngăn nắp. Do đó, việc đề cập về tôn giáo thì không được khuyến khích nơi diễn đàn công cộng, các quyền công dân lệ thuộc vào các tòa án và các thủ tục pháp lý, những người nam và những người nữ sẵn sàng tìm kiếm các giải pháp và sửa đổi qua những vụ kiện tụng. Ở mức độ cao nhất, chủ nghĩa thế tục của xã hội bỏ qua khái niệm về cuộc sống vĩnh cửu, đặt vạn vật theo bối cảnh của thế giới tự nhiên và do đó có khuynh hướng *làm việc mà không có đức tin*.

Việc trở thành những người nam và những người nữ có đức tin trong một thế giới trần tục đòi hỏi sự cảnh giác và nỗ lực lớn lao. Bản tính con người là “trước hết chịu đựng, rồi thương hại, và rồi chấp nhận.”⁴ Chủ nghĩa thế tục đang làm như vậy với con người ngày nay.

Không bị ngăn cản bởi đức tin nơi Đấng Ky Tô với tư cách là Đấng Cứu Chuộc của nhân loại, thế giới trần tục hoặc tự nhiên này sinh ra những người nam và những người nữ đầy “kiêu hãnh, tự cao tự đại, thích tranh đua quá đáng, phản động, độc lập hoàn toàn, bị thúc đẩy bởi những thèm muốn, khao khát [và] lời tán tụng của thế gian. . . . Nói chung, con người tự nhiên là một sinh vật không được cứu chuộc, bước đi. . . trong ánh sáng của ngọn đuốc mình đã đốt. . . [xin xem 2 Nê Phi 7:10—11]. Con người như thế được làm cho thích nghi với trạng thái tự nhiên của những sự việc về con người đó, nhận lấy phương hưởng của mình từ một thế giới sa ngã.”⁵ Nói một cách ngắn gọn thì: “Những người. . . còn ở trong trạng thái thiên nhiên. . . không có được Thượng Đế ở trên thế gian này” (An Ma 41:11).

Vì chủ nghĩa thế tục thường làm ngơ viễn cảnh vĩnh cửu nên đưa đến sự không tin. Trong những lời của Wolfhart Pannenberg, một giáo sư thần học tại trường University of Munich:

“Một tình trạng chung của chủ nghĩa thế tục làm suy yếu niềm tin của những người Ky Tô hữu nơi lẽ thật của điều mà họ tin. . . .

“Trong một bối cảnh trần tục, ngay cả một sự hiểu biết sơ đẳng về Ky Tô giáo. . . cũng giảm thiểu. Đó không còn là một vấn đề chối bỏ những lời giảng dạy của Ky Tô giáo nữa; một số đông người đã không hiểu rõ những lời giảng dạy đó là gì. . . . Sự không biết về Ky Tô giáo càng lan rộng thì thành kiến về Ky Tô giáo càng gia tăng thêm. . . .

“ . . . Sự khó khăn càng tăng thêm bởi nền văn hóa liên quan đến chính sự hiểu biết về lẽ thật. . . . Trong quan niệm của nhiều người, . . . các giáo lý Ky Tô chỉ là những ý kiến mà có thể hoặc không thể được khẳng định theo sự ưa thích của cá nhân, hoặc tùy thuộc vào việc họ có nói đến những nhu cầu cá nhân mà được cảm nhận hay không. . . .

“ . . . Thứ tự xã hội hoàn toàn thuộc thế tục ủng hộ một cảm giác vô nghĩa.”⁶

Đức tin nơi Đấng Ky Tô bị thay thế bởi sự tin tưởng nơi con người. Trong bài diễn văn giữa công chúng

và ý nghĩ riêng tư thì các câu hỏi về việc chúng ta từ đâu đến, chúng ta sẽ đi nơi đâu khi cuộc sống kết thúc, và điều gì cuối cùng sẽ chi phối cuộc sống này trên thế gian không những không được đặt ra mà chúng còn được xem là không thích đáng. Tình trạng không tin này đang trở thành một thảm kịch lớn.

Cha Thiên Thượng biết rằng điều này sẽ xảy ra. Sự Phục Hồi phúc âm nhen nhúm lại đức tin nơi Chúa Giê Su Ky Tô là Đấng Sáng Tạo, Đấng Cứu Rỗi và Đấng Cứu Chuộc. Sự phục hồi phúc âm mang lại một lần nữa sự hiểu biết đúng đắn về các mục đích của cuộc sống. Vào năm 1831, các con cái của Cha Thiên Thượng đã được cho biết rằng:

“Vậy nên, ta là Chúa, vì biết trước tai họa sẽ đến với dân cư trên thế gian, nên ta gọi tôi tớ Joseph Smith, Jun., của ta, và từ trên trời phán bảo hắn, và ban cho hắn các giáo lệnh; . . .

“Đề cho đức tin . . . có thể được tăng trưởng trên thế gian” (GLGÚ 1:17, 21).

Trước khi thế gian này được tạo dựng, trước khi những thiên thể của vũ trụ nhận được vị trí của chúng, thì những người nam và những người nữ đã sống, đã cử động và đã tồn tại (xin xem Công Vụ Các Sứ Đồ 17:28). Ý nghĩ trần tục mà cho rằng cuộc sống chỉ là sinh vật học thì chối bỏ lẽ thật cơ bản, kiến thức sâu xa hiện có trong tận tâm hồn của mỗi người, rằng “lúc khởi đầu, loài người đã ở cùng Thượng Đế” (GLGÚ 93:29; những chữ nghiêng được thêm vào). Sự kiện này là bất biến và không thể bác bỏ được.

Vườn thiên đàng Ê Đen, với hai bậc phụ mẫu đầu tiên của chúng ta, A Đam và Ê Va, đã đến sau đó, để con người qua những kinh nghiệm hữu diệt của cuộc sống và Sự Cứu Chuộc của Đấng Ky Tô, có thể trở nên trọn vẹn, phát triển đầy đủ và toàn hảo. Những thời đại của các vị tộc trưởng, sự giáng sinh thiêng liêng của Đấng Cứu Rỗi của chúng ta và Sự Chuộc Tội độc nhất vô nhị của Ngài trong thời trung thế, và “kỳ muôn vật đổi mới” (Công Vụ Các Sứ Đồ 3:21), mà bắt đầu vào năm 1820, đặt ra khuôn khổ mà qua đó nam phụ lão ấu, một lần nữa có thể chi phối cuộc sống của họ và môi trường chung quanh bởi “đức tin nơi Chúa Giê Su Ky Tô” (Những Tín Điều 1:4).

Các bạn trẻ thân mến của tôi, các em đang đứng ở giữa ngã ba của những sự việc này của thế gian. “Những gì đã qua chỉ là mới mở đầu và những gì đang đến thì chưa phải xong đâu.”⁷ Điều có thể xảy ra— điều phải xảy ra— là đức tin của các em và

những công việc kèm theo sẽ làm giảm đi sự không tin. Đây là một phần trong đời sống của các em. Đây là bốn phận thiêng liêng của các em.

Điểm Chuẩn của Đức Tin

Đức Thầy đã phán: “Nếu các người có đức tin bằng một hạt cải, . . . không có sự gì mà các người chẳng làm được” (Ma Thi Ơ 17:20). Chủ Tịch Hinckley nhắc nhở chúng ta:

“Khi tất cả mọi điều đã được nói và làm xong thì sự thịnh vượng của Giáo Hội nằm trong đức tin của các tín hữu Giáo Hội.”⁸

“Trong nỗ lực cho chính nghĩa lớn lao này, đức tin gia tăng là điều chúng ta cần nhất. Nếu không có đức tin này, thì công việc sẽ đình trệ. Nếu có đức tin, không một ai có thể ngăn chặn sự tiến triển của nó.”⁹

Đức tin như vậy còn có ý nghĩa nhiều hơn chỉ là thái độ, niềm tin, chứng ngôn về điều mà một người cảm thấy hoặc biết. Đức tin thật sự, đức tin đã được nói đến bởi vị tiên tri yêu quý của chúng ta, sinh ra sự ngay chính trong cuộc sống này và sự cứu rỗi trong cuộc sống mai sau. Đức tin được tập trung nơi Thượng Đế chân chính và hằng sống và nơi Chúa Giê Su Kỵ Tô là Đấng mà Ngài đã gửi đến (xin xem Giăng 17:3). Đức tin đó được dựa trên lẽ thật, với đức tin đi trước, và được làm toàn hảo bởi việc làm. Đức tin đó làm cho người trần thế hiểu được và sống theo lối mà các con cái của Cha Thiên Thượng phải sống. Đức tin này “là nguyên tắc quan trọng chủ yếu đầu tiên mà [cho phép chúng ta có được] quyền năng, quyền chi phối và thẩm quyền”¹⁰ về cách thức chúng ta suy nghĩ, cách thức chúng ta hành động, và tư cách con người của chúng ta.

Sứ Đồ Gia Cơ cho chúng ta một công thức về đức tin như thế:

“Nếu ai nói mình có đức tin, song không có việc làm, thì ích chi chẳng? ...

“Có kẻ nói: Người có đức tin, còn ta có việc làm. Hãy chỉ cho ta đức tin của người không có việc làm, rồi ta sẽ chỉ cho người đức tin bởi việc làm của ta. . . .

“. . . Nếu đức tin không sinh ra việc làm, thì tự mình nó chết. . .

“Người thấy đức tin đồng công với việc làm, và nhờ việc làm mà đức tin được trọn vẹn?” (BDJS, Gia Cơ 2:14–15, 17, 21).

Chúng ta nghe được rất nhiều về *điểm chuẩn*. Một điểm chuẩn là “một tiêu chuẩn xuất sắc [hoặc] sự thành tựu . . . mà căn cứ vào đó những điều tương tự được đo lường hay đánh giá.”¹¹

Có bốn điểm chuẩn mà có thể giúp mỗi chúng ta biết được đức tin cá nhân của chúng ta nơi Đấng Kỵ Tô có “được trọn vẹn” nhờ vào các công việc của chúng ta hay không. Các điểm chuẩn này là: (1) những sự lựa chọn mà chúng ta có, (2) sự tận tụy mà chúng ta cho thấy, (3) sự vâng lời mà chúng ta thực hành, và (4) sự phục vụ mà chúng ta thực hiện. Tôi xin được giải thích.

Những Sự Lựa Chọn Mà Chúng Ta Có

Trước hết, điểm chuẩn của sự lựa chọn. Các Thánh Hữu Ngày Sau “tin ở sự lương thiện, chân thành, trinh khiết, bác ái, đạo đức. . . . Nếu có điều gì đạo đức, đáng yêu chuộng, hay có tiếng tốt hay đáng khen, thì *chúng tôi theo đuổi* những điều này” (Những Tín Điều 1:13; những chữ nghiêng được thêm vào).

Các em hãy tưởng tượng ra một anh cả trẻ tuổi, mà chúng ta sẽ gọi là Bill. Em ấy học điều này trong Hội Thiếu Nhi. Lúc bấy giờ, em ấy đã tin vào điều đó; bây giờ em ấy cũng tin vào điều đó. Tuy nhiên, trong một lúc nào đó, Bill đã bị mắc phải thói xem hình ảnh sách báo khiêu dâm. Em đã thấy rằng những cảm dỗ của thói quen đó thật mãnh liệt và làm cho say mê. Sau mỗi lần tiếp cận với thứ bản thù này thì Bill cảm thấy kinh tởm, hổ thẹn và vô dụng bên trong tâm hồn mình.

Cách đây một vài tuần, Bill tham dự Đại Hội Trung Ương. Trong phiên họp chức tư tế, em đã nghe Chủ Tịch Hinckley nói:

“Mỗi người nam hay thiếu niên trong giáo đoàn đông đảo tối nay đều có thể cải tiến cuộc sống của mình. Và điều đó cần phải xảy ra. Xét cho cùng, chúng ta đều nắm giữ chức tư tế của Thượng Đế. . . .

“Có một bốn phận lớn lao đi kèm để được xứng đáng với chức tư tế này. Chúng ta không thể cho phép mình có những ý nghĩ như bản. Chúng ta không được dự phần vào những hình ảnh sách báo khiêu dâm. Chúng ta không được phạm vào bất cứ một tội lạm dụng nào. Chúng ta phải khắc phục những điều như vậy. “Hãy đứng lên, Hỡi những người đàn ông của Thượng Đế!” và từ bỏ những điều

xấu xa này và Chúa sẽ là Đấng hướng dẫn và nâng đỡ các anh em.”¹²

Bill quyết định: “Đây là lúc để tôi bảo vệ đức tin của mình!”

Em đi đến chỗ kín đáo đó, lấy hết các hình ảnh bản thiêu, những cuốn phim và tài liệu thô tục, và hủy bỏ chúng. Em loại bỏ ra từ tủ nhạc của mình những điệu nhạc âm ỉ, chói tai và những lời ca bản thiêu. Em xóa bỏ từ máy điện toán của mình tất cả những gì dính dáng đến các trang mạng có hình ảnh khiêu dâm, cài đặt một bộ phận lọc để bảo vệ, và đặt máy điện toán của mình ở nơi mà có nhiều người qua lại hơn để có thể tự củng cố chống lại sự tái phạm tội lỗi của mình.

Bill thừa nhận sự phạm giới của mình trước Thượng Đế. Em cầu nguyện khẩn thiết để có được sức mạnh để hồi cải, để xua đuổi điều xấu xa này ra khỏi cuộc sống của em. Em tìm kiếm sự giúp đỡ từ vị giám trợ và những người thân yêu của mình. Tận đáy tâm hồn của mình, Bill đã cảm nhận được một sự bảo đảm thâm lặng: “Con trai của ta, con đang đi đúng đường đó.” Đức tin của em, nhờ vào việc làm của em, đã được xác nhận và củng cố.

Có nhiều điều còn lại để làm. Sẽ có sự nhịn ăn, cầu nguyện, học hỏi thánh thư, và nhiều giọt nước mắt. Một vị giám trợ tốt sẽ cung ứng sự giúp đỡ thiết yếu. Sự trung tín và những lời cầu nguyện của cha mẹ và những người thân sẽ cung ứng sự hỗ trợ cần thiết. *Tuy nhiên, điểm chuẩn cho thấy: Bill đang bắt đầu sử dụng đức tin để hồi cải—em ấy đã chọn điều đúng!*

Sự Tận Tụy mà Chúng Ta Cho Thấy

Thứ nhì, điểm chuẩn về sự tận tụy. Các Thánh Hữu Ngày Sau “tin tất cả mọi điều Thượng Đế đã mặc khải, tất cả mọi điều Ngài hiện đang mặc khải, và chúng tôi tin rằng Ngài sẽ còn mặc khải nhiều điều lớn lao và quan trọng có liên quan đến Vương Quốc của Thượng Đế.”

“Chúng tôi tin vào sự quy tụ thực sự của Y Sơ Ra Ên và vào sự phục hồi Mười Chi Tộc; rằng Si Ôn (Tân Giê Ru Sa Lem) sẽ được thiết lập trên lục địa Mỹ Châu” (Những Tín Điều 1:9—10) và rằng những người nam và những người nữ được “Thượng Đế kêu gọi bằng lời tiên tri” và thẩm quyền thiêng liêng để mang điều này đến (Những Tín Điều 1:5).

Sự tận tụy chân thành được liên kết với chính nghĩa thiêng liêng mà đã bắt đầu trước lúc sáng thế. Các tổ tiên ngay chính đã cam kết với chính nghĩa này và

hy sinh mạng sống của mình cho sự xúc tiến các mục đích của Cha Thiên Thượng. Chúng ta đã được giao phó trách nhiệm để thực hiện, xây đắp trên công lao được hiến dâng của họ.

Giờ đây là một câu chuyện, một câu chuyện quen thuộc đối với một số các em:

Vào năm 1856, Robert và Ann Parker với bốn đứa con của họ lên tàu từ nước Anh để nhập với Các Thánh Hữu ở Utah. Một vị tiên tri đã nói và truyền lệnh cho họ là quy tụ lại ở Great Basin và giúp xây đắp Si Ôn. Là các thành viên trong đoàn xe kéo tay McArthur, mỗi người trong gia đình họ đều chia sẻ công việc với nhau. Cha mẹ kéo chiếc xe kéo nặng nề, Maxie (12 tuổi) đẩy xe, và Martha (10 tuổi) trông bé Arthur (6 tuổi). Bé Ada (1 tuổi) chập chững biết đi thì được bế và ngồi trên chiếc xe kéo.

Đâu đó ở Nebraska, bé Arthur ngồi xuống nghỉ chân và ngủ thiếp. Một cơn bão nổi lên. Đoàn xe kéo vội vã cắm trại. Chính đến lúc đó họ mới phát hiện rằng Arthur không ở cùng với mấy đứa con kia.

Nhiều ngày tìm kiếm không có kết quả. Đoàn xe kéo phải tiếp tục lên đường. Đây là lúc mà Robert và Ann Parker hành động theo đức tin của họ. Archer Walters ghi lại trong nhật ký của mình vào ngày 2 tháng Bảy năm 1856: “Đứa con trai nhỏ của Anh Parker. . . bị lạc, và cha của nó quay trở lại để tìm nó.”

Khi Robert ra đi, Ann đã dính một cái khăn choàng màu đỏ rực lên vai của anh và nói: “Nếu anh tìm ra nó đã chết thì hãy bọc nó vào cái khăn choàng này để chôn nó. Nếu anh tìm ra nó còn sống thì anh hãy dùng cái khăn này làm cờ ra hiệu cho em và các con.” Chị, với mấy đứa con kia, đỡ cái xe kéo lên và cố gắng đi với đoàn xe.

Robert trở lại những dặm đường của con đường mòn trong rừng, kêu, tìm kiếm và cầu nguyện cho đứa con trai nhỏ yếu đuối của họ. Cuối cùng, anh đi đến một cái trạm thư và buôn bán, nơi đó anh biết được rằng đứa con của họ đã được chăm sóc bởi vợ chồng một người tiểu phu. Bé Arthur bị bệnh vì giải dầu mưa nắng và sợ hãi, nhưng Thượng Đế đã nghe thấu những lời cầu nguyện của cha mẹ yêu dấu của nó.

Mỗi đêm trên con đường mòn, Ann và các con của chị tiếp tục chờ đợi. Vào đêm thứ ba, khi tia nắng mặt trời chiếu rọi cái khăn choàng màu đỏ rực thì người mẹ can đảm này ngã gục xuống trên cát. Hoàn toàn kiệt sức, Ann đã ngủ lần đầu tiên sau sáu ngày và đêm dài.¹³ Quả thật Thượng Đế đã rất nhân từ và đầy lòng

thương xót; việc làm của họ đã tưởng thưởng cho sự tận tụy của họ và thánh hóa đức tin của họ, và trong tấm lòng hân hoan của họ, Các Thánh Hữu đã hát: “Tất cả tốt!”¹⁴

Bé Ada, bà nội của tôi, lớn lên thành một phụ nữ và kết hôn với ông nội của tôi, Brigham Young McMullin. Và giờ đây là bài học răn dạy. Bà không bao giờ để cho con cái của mình quên rằng bà và gia đình của bà đã đi ngang qua những cánh đồng với đoàn xe kéo tay Daniel D. McArthur. Câu chuyện về cái khăn choàng đỏ trở thành câu chuyện của chúng ta—di sản đức tin của họ cũng trở thành đức tin của chúng ta. Và như vậy chúng ta đều “tiếp tục,”¹⁵ và những trở ngại lớn biến mất dần như hạt sương dưới ánh mặt trời.

Về Các Thánh Hữu đầu tiên này, *điểm chuẩn cho thấy: Những việc làm của họ là một phẩm chất đặc sắc về đức tin, sự tận tụy của họ là một tiêu chuẩn cho con cháu của họ sống theo.*

Sự Vâng Lời mà Chúng Ta Thực Hành

Thứ ba, điểm chuẩn về sự vâng lời. Các Thánh Hữu Ngày Sau “tin rằng nhờ Sự Chuộc Tội của Đấng Ky Tô, tất cả nhân loại có thể được cứu rỗi, bằng cách *tuân theo các luật pháp và các giáo lễ của Phúc Âm*” (Những Tín Điều 1:3; những chữ nghiêng được thêm vào).

Nơi đây chúng ta có thể tưởng tượng ra một cặp vợ chồng trẻ tuổi, đại diện cho những người sống trong thế giới trần tục này. David và Michelle đã biết tin điều này rất lâu trước khi họ biết nhau. Thế mà, họ cũng có những mối quan tâm như nhiều người trong các em đang tham dự buổi phát thanh và truyền hình này. Các em thấy đó, David và Michelle đang ở vào khoảng từ giữa đến cuối của tuổi hai mươi. Họ biết nhau được một thời gian, họ đi chơi với nhau và họ yêu nhau. Tuy nhiên, họ do dự về hôn nhân và gia đình. Họ có nên trì hoãn hôn nhân cho đến khi họ hoàn tất việc học hành, cho đến khi họ có thêm tiền, cho đến khi một số tham vọng cá nhân của họ được thực hiện không?

Họ cũng tự hỏi về khuynh hướng leo thang của sự lý dị, chiến tranh và tình trạng hỗn loạn trên khắp thế giới và sự đông dân quá. Liệu cuộc hôn nhân của họ có tồn tại không? Họ có nên sinh con trong một thế giới như vậy không?

Ôi David và Michelle, hãy sử dụng đức tin của mình! Hãy ghi nhớ: “Hôn nhân giữa người nam và người nữ là do Thượng Đế quy định.”¹⁶ “Loài người không

nên phân rẽ những kẻ mà Đức Chúa Trời đã phối hiệp” (Ma Thi Ở 19:6; xin xem thêm GLGU 132:19–20). “Con cái là cơ nghiệp bởi Đức Giê Hô Va mà ra” (Thi Thiên 127:3). “Trái đất tràn đầy. . . nó đầy đủ và còn dư nữa” (GLGU 104:17).

Việc hành động theo điều mà các em biết là chân chính và những việc làm ngay chính của các em sẽ làm đức tin của các em được trọn vẹn. Cuộc sống của các em sẽ trọn vẹn và tuyệt vời. Hãy noi theo tấm gương tốt của cha mẹ các em. Họ có lẽ đã không có đủ khả năng để kết hôn nhưng họ đã kết hôn. Họ cũng lo lắng về chiến tranh và tình trạng hỗn loạn, nhưng họ đã sử dụng đức tin của mình và đã sinh ra các em! Sự đòi hỏi của hôn nhân và gia đình đã không cản trở học vấn của họ mà còn làm phong phú thêm. Về những tham vọng cá nhân của họ, họ đã bám một cách trọn vẹn và đầy hạnh phúc vào sự an lạc của nhau, và của các em, các anh chị em của các em và các đứa cháu.

Cuộc sống không dễ dàng đối với cha mẹ của các em. Họ đã phải chật bó hẹp dành dụm, sống với những gì họ có. Họ cũng gặp phải những vấn đề và những hoàn cảnh mà họ không thể giải đáp, nhưng họ đã biết rằng con đường mà đã được Thượng Đế Toàn Năng quy định an bài cho họ phải tiến tới. Và các em được “giàu có” nhiều hơn nhờ vào đức tin của họ.

Từ các câu chuyện mà họ đã nhiều lần kể cho các em nghe thì các em biết rằng mọi điều đối với họ đều rất khó khăn, gay góc. Nhưng những việc làm của họ đã thánh hóa đức tin của họ.

Chắc chắn là họ đã già hơn rồi. Bước đi của họ không còn linh động, cử chỉ của họ không còn mạnh mẽ, dáng điệu của họ không phải là điều mà người ta ao ước có. Nhưng tình yêu thương của họ đối với Thượng Đế và đối với nhau phản ánh sự tôn kính sâu xa và sự ngưỡng mộ. Những khó khăn trong đời đã mang đến cho họ sự khôn ngoan, tính kiên nhẫn và lòng biết ơn. Trong những cách thức nhỏ nhặt nhưng quan trọng, họ đã trở thành “những điều mình đương trông mong, là bằng cứ của những điều mình chẳng xem thấy” (Hê Bơ Rơ 11:1)—những thứ mà họ đã không thể thấy lúc còn trẻ. Nhưng họ đã vâng lời. Bằng cách sử dụng đức tin, họ đã được làm lễ gắn bó trong đền thờ, được ban phước với con cái, và giờ đây biết được nguồn hạnh phúc chân thật. *Điểm chuẩn cho thấy: Sự vâng lời đưa đến các phước lành của Thiên Thượng—điều đó đã đến với cha mẹ của các em và điều đó cũng sẽ đến với các em.*

Sự Phục Vụ mà Chúng Ta Thực Hiện

Thứ tư, điểm chuẩn của sự phục vụ. Các Thánh Hữu Ngày Sau “tin nơi Thượng Đế, Đức Chúa Cha Vĩnh Cửu, và nơi Con của Ngài, Chúa Giê Su Ky Tô, và nơi Đức Thánh Linh. . . .

“Chúng tôi tin. . . rằng Đấng Ky Tô sẽ thân hành trị vì thế gian; và rằng thế gian sẽ được đổi mới và tiếp nhận vinh quang giống như thiên đàng” (Những Tín Điều 1:1, 10).

Chúng ta biết nhiều về Thiên Chủ Đoàn hơn tất cả những gì con người có thể tưởng tượng được—và điều chúng ta biết là có thật. Hơn nữa, chúng ta biết được các mục đích của Thượng Đế cho thế gian này và tất cả tạo vật của nó. Nhờ vào điều mà chúng ta biết và nhờ vào việc Chúa đã đặt lên vai của chúng ta bốn phận thiêng liêng để làm cho điều đó xảy ra nên chúng ta không nên xem thường vai trò tín hữu của chúng ta trong Giáo Hội.

Một số người bị cảm dỗ để kém tận tâm vì sợ sẽ bị xem là quá sùng tín. Họ xem “Giáo Hội như là một thể chế chứ không phải là một vương quốc.”¹⁷ “Ôi, giới trẻ của quyền thừa kế cao quý,”¹⁸ hãy biến công việc của Giáo Hội và vương quốc của Thượng Đế thành trọng tâm của cuộc sống của các em. Khi được kêu gọi phục vụ, hãy nói “Vâng,” và cố gắng hết sức mình. Hãy lắng nghe lệnh truyền này của Chúa: “VẬY NÊN, CHỚ TÌM KIẾM NHỮNG SỰ VIỆC CỦA THẾ GIẠN, MÀ TRƯỚC HẾT HÃY TÌM KIẾM XÂY ĐẮP NƯỚC ĐỨC CHÚA TRỜI VÀ SỰ CÔNG BÌNH CỦA NGÀI THÌ NGÀI SẼ CHO THÊM CÁC NGƯỜI MỌI ĐIỀU ẤY NỮA” (BDJS, Ma Thi 6:38).

Chỉ còn bốn ngày nữa kể từ bây giờ, vào ngày 9 tháng Mười Một, sẽ là 150 năm kể từ lúc những người tiên phong xấu số trong đoàn xe kéo tay Willey vất vả đi vào Thung Lũng Salt Lake. Họ đã trải qua nhiều nỗi đau khổ và cái chết. Các cơn bão và tình trạng sức khỏe suy yếu của họ đã làm nhiều người thiệt mạng—những người đi giải cứu đã cứu được thêm nhiều người nữa.

Levi Savage là một trong số những người đến vào ngày đó. Lịch sử chép về những công việc trung tín và gan góc của ông để cứu Các Thánh Hữu và mang họ đến thung lũng an toàn. Nhưng sự phục vụ cao quý của ông đã không bắt đầu trên những cánh đồng phủ đầy tuyết của Wyoming. Đây là một vấn đề khác, có lẽ một vấn đề hoàn thiện nhất trong một cuộc đời hiến dâng cho sự phục vụ.

Levi chịu phép báp têm vào tháng Sáu năm 1846 lúc 26 tuổi. Khi đáp ứng sự kêu gọi của vị tiên tri để di chuyển về miền tây, ông đã chép rằng “chúng tôi chuẩn bị hết sức kỹ lưỡng cho một cuộc hành trình dài đi đến một vùng đất xa lạ và, đối với chúng tôi, một vùng hoàn toàn vô danh. . . . Chúng tôi nói lời giã từ nhà cửa vườn tược cũ. . . và hướng lộ trình về phía tây, không biết được đi đến đâu, chúng tôi chỉ trông mong được ở một nơi nào đó trong vùng hoang dã miền tây của Dải Núi Rocky.”¹⁹

Vào ngày 16 tháng Bảy năm 1846, ông, với những người đàn ông dũng cảm khác, một lần nữa, đã đáp ứng lời khuyến khích của vị tiên tri để gia nhập vào Tiểu Đoàn Mặc Môn và đi khoảng 3,200 cây số từ Council Bluffs, Iowa đến San Diego, California, rồi đi đến Los Angeles. Nơi đây họ được chính quyền cho giải ngũ. Mặc dù họ không biết về gia đình nhà cửa của họ ở nơi đâu, nhưng họ cũng bắt đầu chuyến đi của họ đến Thung Lũng của Great Salt Lake. Lộ trình mà Levi Savage đi dài thêm 2,100 cây số, địa thế gian nan và hiểm trở, nhưng cuối cùng ông cũng đã đến Thung Lũng Salt Lake.

Nơi đây Levi khai khẩn đất hoang, dẹp giặc châu chấu, kết hôn, có một đứa con trai và chôn người vợ của mình một vài tháng sau khi đứa con ra đời. Mười tháng sau khi vợ ông chết, vào đại hội tháng Mười năm 1852, ông và một vài người anh em trung tín khác được vị tiên tri kêu gọi mở ra một phái bộ truyền giáo phúc âm ở nước Xiêm La (Thái Lan ngày nay).

Lần này họ đã hành trình bằng xe ngựa và xe bò đi trở lại miền biển California và Thái Bình Dương. Cuối cùng, họ đi tàu từ San Francisco đến Calcutta cho sứ mệnh của họ ở Xiêm La. Những điều ghi trong nhật ký của Levi vào ngày 29 tháng Giêng năm 1853, cho chúng ta một ý niệm về tấm lòng của những người truyền giáo đầu tiên này. Ông viết:

“Chiếc tàu vĩ đại của chúng tôi, được gió nhẹ nhàng đẩy đi, ngang qua đáy sâu hun hút để tới điểm đến của chúng tôi; bỏ lại sau lưng quê hương mến yêu của chúng tôi. . . . Mỗi người tìm chỗ riêng của mình để suy ngẫm, và nơi đó đã ngẫm nghĩ về những tiện nghi của nhà mình, tình yêu của người vợ thân mến và con cái hoặc bạn bè của mình. . . . Nhưng giờ đây người ấy được kêu gọi để đến vùng đất xa xôi và để làm gì? Vì việc tóm thu vàng bạc, hoặc vì tự bảo đảm danh dự, sự phù hoa và huy hoàng của thế gian này chăng? *Không, đích thực là không! Nhưng vì sự tuân theo các lệnh*

truyền của Chúa để mang sứ điệp về lẽ thật và. . . sự cứu rỗi đến cho các dân tộc sống trong bóng tối thuộc linh và mê tín. Ngay sau đó, mỗi người đi nghỉ ngơi trên chiếc võng của mình. Nhưng cho dù thức hay ngủ, thì tâm trí của người ấy vẫn miên man nghĩ đến những thật tế đã qua và các viễn tượng của tương lai.”²⁰

Tiếp theo sau công việc truyền giáo của mình, Levi đi tàu trở về nhà ngang qua Boston, Massachusetts, đi đến nơi sinh quán của ông ở Greenfield, Ohio, và đã ghi chép khi ông đến đó: “Tôi đã đi vòng quanh trái đất.”²¹ Ông đi cùng với đoàn xe kéo tay Willy handcart company ở Iowa City, Iowa, mà bắt đầu một thiên truyện dài về tầm quan trọng vĩnh cửu đối với ông, gia đình ông và toàn thể Giáo Hội. Những việc làm của ông trong thiên truyện dài đó đã làm nổi bật một cuộc đời hy sinh và phục vụ. Về những người tiên phong này, *điểm chuẩn cho thấy: Đức tin và những việc làm của họ là một ngọn hải đăng trong một thế giới không tin, sự phục vụ của họ là một mẫu mực cho mỗi chúng ta noi theo.*

Chúng ta cảm động bởi những lời của giáo sĩ Frederick W. Faber:

*Đức tin của ông cha ta, vẫn tồn tại,
Mặc dù ngục tối, khói lửa và gươm đao;
Ôi, con tim đập nhanh và vui mừng biết bao
Bất cứ lúc nào chúng ta nghe lời đầy vinh quang đó.*

*Đức tin của ông cha ta, chúng ta sẽ cố gắng
Mang tất cả các quốc gia đến với Ngài,
Và qua lẽ thật đến từ Thượng Đế,
Rồi nhân loại sẽ thật sự được tự do.*

*Đức tin của ông cha ta, chúng ta sẽ yêu thương
Cả bạn lẫn thù trong tất cả cuộc đấu tranh của mình,
Và cũng rao giảng về Ngài, như tình yêu thương đã
biết cách,
Bằng những lời tử tế và cuộc sống đức hạnh.*

*Đức tin của ông cha ta, đức tin thiêng liêng,
Chúng ta sẽ trung thành cùng Ngài cho đến chết!”²²*

Các em thân mến, tôi xin làm chứng cùng các em—Thượng Đế đang ở trên các tầng trời của Ngài, danh Ngài là Ê Lô Him, và Ngài biết tất cả các con cái của Ngài, bất luận họ từ đâu đến hoặc họ ở đâu. Chúa Giê Su, Đấng Chí Thánh của Y Sơ Ra Ên, là Vị Nam Tử Yêu Dấu của Ngài, Đấng Cứu Chuộc của tất cả nhân loại. Joseph Smith, một thiếu niên, đã được tiếng nói của Thượng Đế và Vị Nam Tử Thánh của Ngài kêu gọi làm vị tiên tri, và tiếp theo sự kêu gọi

đó là Giáo Hội và vương quốc chân chính của Thượng Đế được phục hồi trên thế gian. Chúng ta thật được phước biết bao để biết được các điều này và, các em, các em thân mến của tôi, đang đứng giữa ngã ba lịch sử. Các em đến từ các vương quốc đầy vinh quang. Chính là đặc ân đặc biệt của các em để được trung thành cùng đức tin, để tiến lên trong những việc thiện. Hãy làm điều mà các vị tiên tri đã nói. Những thế hệ đã qua trông mong nơi đức tin đó, các thế hệ hiện tại đang được đức tin đó cứu rỗi, các thế hệ mai sau tùy thuộc vào đức tin đó, và Đức Thánh Linh sẽ hướng dẫn các em từng bước một trên con đường của các em.

Trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men.

GHI CHÚ

1. “Tạ Ôn Thượng Đế Đã Ban Cho Một Vị Tiên Tri,” *Thánh Ca và Các Bài Ca Thiếu Nhi*, trang 36.
2. Trong Conference Report, tháng Chín—tháng Mười năm 2006, 87; hoặc *Ensign*, tháng Mười Một năm 2006, 82; những chữ nghiêng được thêm vào.
3. *Random House Webster’s Unabridged Dictionary*, xuất bản lần thứ nhì (2001), “secular,” 1731.
4. Alexander Pope, *An Essay on Man*, thư số 2, dòng 220.
5. *Book of Mormon Reference Companion*, do Dennis L. Largey xuất bản (2003), 582.
6. “How to Think about Secularism,” *First Things*, tháng Sáu—tháng Bảy năm 1996, 27, 30, www.firstthings.com/ftissues/ft9606/articles/pannenberg.html.
7. Boyd K. Packer, buổi họp huấn luyện Các Vị Thẩm Quyền Trung Ương, tháng Mười năm 2006; xin xem William Shakespeare, *The Tempest*, do W. J. Craig xuất bản, Oxford Shakespeare (1924), cảnh 2 màn 1, dòng 261.
8. Trong Conference Report, tháng Tư năm 1991, 74; hoặc *Ensign*, tháng Năm năm 1991, 54.
9. Trong Conference Report, tháng Chín—tháng Mười năm 2006, 90; hoặc *Ensign*, tháng Mười Một năm 2006, 85.
10. Joseph Smith, biên soạn, *Lectures on Faith* (1985), 5, 8.

11. *Random House Webster's Unabridged Dictionary*, "benchmark," 193.
12. Trong Conference Report, tháng Chín.—tháng Mười năm 2006, 66; hoặc *Ensign*, tháng Mười Một năm 2006, 60.
13. Xin xem Boyd K. Packer, *Memorable Stories and Parables by Boyd K. Packer* (1997), 4–6.
14. "Cùng Lại Nhau Đây, Hỡi Các Thánh Hữu," *Thánh Ca và Các Bài Ca Thiếu Nhi*, trang 2.
15. "Carry On," *Hymns*, số 255.
16. "Gia Đình: Bản Tuyên Ngôn cùng Thế Giới," *Ensign*, tháng Mười Một năm 1995, 102.
17. Neal A. Maxwell, trong Conference Report, tháng Mười năm 1992, 89; hoặc *Ensign*, tháng Mười Một năm 1992, 66.
18. "Carry On," *Hymns*, số 255.
19. Trong *Levi Savage Jr. Journal*, do Lynn M. Hilton biên soạn (1966), xii.
20. Trong *Levi Savage Jr. Journal*, 5; những chữ nghiêng được thêm vào.
21. Trong *Levi Savage Jr. Journal*, 59.
22. "Faith of Our Fathers," *Hymns*, số 84.